

Bản án số: **445/2021/DS-PT**
Ngày: 26/11/2021
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Trí Cường;

Bà Trần Thị Thu Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thuý Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26/11/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2021/TLPT-DS ngày 12 tháng 04 năm 2021, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án sơ thẩm số 01/2021/DS- ST ngày 21 tháng 01 năm 2021, của Tòa án nhân dân quận quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 230/2021/QĐXXPT -DS ngày 24/05/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 347/2021/QĐHPT-DS ngày 14/06/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 388/2021/QĐHPT-DS ngày 02/07/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 521/2021/TB-DS ngày 13/07/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 677/2021/TB-DS ngày 07/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 492/2021/QĐHPT-DS ngày 21/10/2021; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 796/2021/TB-TA ngày 12/11/2021; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 814/2021/TB-TA ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Quốc H**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Số 15, ngõ 212 phố M, phường L, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Ông **Đỗ Minh Hiên**; sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Số 15, ngõ 402, phố M, phường M, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền số 3188.2019/GUQ ngày 18/9/2019).

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ tổng hợp H**(sau đây gọi tắt là Công ty H)trụ sở đăng ký doanh nghiệp: Số 25-27 phố L, quận Hai Bà Trưng,

thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đức T** - Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị N; địa chỉ cư trú: Số 29, ngõ 61/7 L, phường V, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 23/11/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Đinh Chí T - Công ty Luật hợp danh A, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

3. Người (pháp nhân) kháng cáo: **Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ tổng hợp H.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 16/08/2019, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/09/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Phan Quốc H trình bày:

Do có mối quan hệ làm ăn kinh tế với Công ty Hai Bà Trưng. Năm 2013, anh H có cho Công ty Hai Bà Trưng vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Tháng 3/2013, anh H cho Công ty Hai Bà Trưng vay số tiền là: 21.318.600.000đ (hai mươi một tỷ, ba trăm mười tám triệu, sáu trăm nghìn) đồng; thể hiện tại các chứng từ là: Giấy nộp tiền ngày 14/3/2013; Giấy nộp tiền ngày 15/3/2013; Phiếu thu ngày 18/3/2013.

Để đảm bảo cho việc trả nợ của Công ty Hai Bà Trưng, trước khi cho vay, anh H và Công ty Hai Bà Trưng có ký Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 có nội dung: Công ty Hai Bà Trưng sẽ cho anh H thuê toàn bộ tầng 12 diện tích 730 m² thuộc Tòa nhà Trung tâm thương mại văn phòng CDC số 25-27 Lê Đại Hành (sau đây gọi tắt là “tòa nhà CDC”) với thời hạn 43 năm kể từ ngày 07/3/2013; giá thuê là: 21.318.600.000đ; Hợp đồng được chấm dứt theo Điều 15 khi Công ty Hai Bà Trưng trả đủ số tiền: 21.318.600.000đ cho anh H theo tiến độ 08 đợt (trong đó, đợt cuối cùng - đợt 8 là ngày 13/6/2013). Ngoài ra, Hai bên ký Biên bản bàn giao tài sản thuê vào ngày 21/6/2013. Tuy nhiên, vì đây là hợp đồng được ký với mục đích để đảm bảo cho việc thanh toán nợ của Công ty Hai Bà Trưng nên trên thực tế, Công ty Hai Bà Trưng không bàn giao tài sản thuê mà tài sản thuê vẫn do Công ty Hai Bà Trưng quản lý, sử dụng.

Sau khi vay, Công ty Hai Bà Trưng chưa thanh toán đầy đủ theo thỏa thuận tại Điều 15 hợp đồng nêu trên. Số tiền Công ty Hai Bà Trưng đã trả cho anh H từ ngày 25/9/2013 đến ngày 29/7/2019 là: 15.318.446.000đ.

Như vậy, Công ty Hai Bà Trưng còn nợ anh H số tiền nợ gốc: 6.000.154.000đ; nợ lãi do chậm thanh toán từ ngày 30/6/2013 đến hết ngày 31/8/2020 với mức lãi suất cơ bản là 6%/năm: 4.832.388.58đ. Tổng cộng: 10.832.542.580đ (mười tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi) đồng.

Lần thứ hai: Ngày 08/3/2013, anh H và Công ty Hai Bà Trưng có ký Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 có nội dung: Anh H cho Công ty Hai Bà Trưng vay số tiền 24.843.000.000đ (hai mươi tư tỷ, tám trăm bốn mươi ba triệu) đồng; thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 19/3/2013 đến ngày 19/6/2013); thời hạn trả nợ được quy định chia 03 lần (Lần 1: Muộn nhất ngày 19/4/2013 thanh toán số tiền 1.890.000.000đ; Lần 2: Muộn nhất ngày 19/5/2013 thanh toán số tiền 1.953.000.000đ; Lần 3: Muộn nhất ngày 19/6/2013 thanh toán số tiền 21.000.000.000đ).

Thực hiện hợp đồng vay tài sản nêu trên, anh H đã giao và Công ty Hai Bà Trưng đã nhận được số tiền vay 24.843.000.000đ vào ngày 18/3/2013 (Phiếu thu số: 00000238 ngày 18/3/2013 do bà Vũ Thị Thùy Vân - Giám đốc Công ty Hai Bà Trưng ký).

Để đảm bảo Công ty Hai Bà Trưng sẽ thực hiện việc trả nợ đúng thời hạn, anh H và Công ty Hai Bà Trưng có ký các hợp đồng sau đây:

Hợp đồng thuê mặt bằng số 08/HĐ-MT ngày 08/03/2013 có nội dung: Công ty Hai Bà Trưng cho anh H thuê toàn bộ tầng 07, tầng 11 (tầng 07 là 900m², tầng 11 là 810m²) và các phòng 609, 610 (tầng 06); phòng 904, 906, 907 (tầng 09); các phòng 1002, 1003 (tầng 10) của Tòa nhà Trung tâm thương mại khách sạn và căn hộ cho thuê tại địa chỉ: Số 301 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Tòa nhà 301 Đội Cấn”).

Hợp đồng ủy quyền ngày 21/6/2013, theo đó, anh H ủy quyền cho Công ty Hai Bà Trưng quản lý và cho thuê toàn bộ diện tích theo Hợp đồng thuê tài sản số 08/HĐ-MT ngày 08/3/2013; Thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày 21/6/2013.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 20/10/2013 có nội dung: Anh H và Công ty Hai Bà Trưng sẽ cùng hợp tác kinh doanh như sau: Anh H góp tài sản thuộc quyền sử dụng của mình gồm toàn bộ diện tích theo Hợp đồng thuê tài sản số 08/HĐ-MT ngày 08/3/2013 để cùng khai thác, kinh doanh chung với số Căn hộ và phòng khách sạn trong tòa nhà. Công ty Hai Bà Trưng góp vốn bằng toàn bộ chi phí quản lý, vận hành khách sạn. Hợp đồng có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 20/10/2013.

Về thực chất, các hợp đồng đều được ký với mục đích đảm bảo cho việc trả nợ của Công ty Hai Bà Trưng. Các hợp đồng này đều không được Công ty Hai Bà Trưng thực hiện trên thực tế, không bàn giao tài sản thuê, không hợp tác kinh doanh và đến nay đều đã hết hiệu lực.

Đối với số tiền vay, Công ty Hai Bà Trưng cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận.

Công ty Hai Bà Trưng còn phải thanh toán tiền nợ anh H theo Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 như sau: Nợ gốc: 24.843.000.000đ; Nợ lãi do chậm thanh toán từ ngày 30/6/2013 đến ngày 31/8/2020: 10.732.176.000đ.

Tại đơn khởi kiện ngày 16/08/2019, anh H có yêu cầu: Yêu cầu công nhận Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/03/2013; buộc Công ty Hai Bà Trưng giao lại cho anh tầng 12 toà nhà CDC 25-27 Lê Đại Hành ; buộc bồi thường do không sử dụng được tài sản thuê với số tiền 1.830.000.000đ.

Tại Đơn sửa đổi bổ sung ngày 01/09/2020, anh H thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Hai Bà Trưng thanh toán cho anh H ngay một lần toàn bộ số tiền Công ty Hai Bà Trưng còn nợ anh H từ hai hợp đồng vay tiền nêu trên là: 6.000.154.000đ (nợ gốc) + 4.832.388.580đ (nợ lãi) + 24.843.000.000đ (nợ gốc) + 10.732.176.000đ (nợ lãi) = 46.407.718.580đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - Công ty Hai Bà Trưng do ông Nguyễn Đức Tuấn làm đại diện theo pháp luật trình bày:

Để có vốn để hoàn thiện Tòa nhà 287-301 phố Đội Cấn, Công ty Hai Bà Trưng đã huy động vốn vay từ nhiều nguồn, trong đó có anh Phan Quốc H. Giữa Công ty Hai Bà Trưng với anh H đã tồn tại giao dịch vay từ những năm 2010-2011.

Thời gian từ ngày 19/06/2012 đến 18/12/2012, Công ty Hai Bà Trưng có vay tiền của ông Phan Quốc H, bà Nguyễn Thị Kim Dung, ông Nguyễn Hồ Hưng với những hợp đồng sau: 1/ Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 03/0612 ngày 19/06/2012; đã thanh lý ngày 18/12/2012. 2. Hợp đồng thuê mặt bằng số 0712/HĐ ngày 07/08/2012 (đã thanh lý ngày 13/11/2012). 3. Hợp đồng số 1112/HĐ ngày 13/11/2012 (đã thanh lý ngày 18/12/2012). 4. Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 05/12 ngày 18/12/2012; đã thanh lý ngày 08/03/2013. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng vay trên, ông Hoàng đã nhận của Công ty Hai Bà Trưng số tiền 17.138.201.425đ.

Tháng 03/2013, do Công ty Hai Bà Trưng gặp khó khăn trong kinh doanh, nên không có tiền để trả nợ vay của anh H. Hai bên đã thỏa thuận gộp lãi vào gốc hình thành số tiền 21.318.600.000 VNĐ. Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty Hai Bà Trưng và anh H đã ký kết Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013. Thực tế, Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 để đảm bảo cho khoản tiền 21.318.600.000đ anh H cho Công ty Hai Bà Trưng vay; không bao giờ có việc bàn giao mặt bằng thuê theo các hợp đồng đã ký kết. Điều này thể hiện tại Điều 15 của Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013. Điều khoản này cũng chính là thời hạn vay và phương thức trả nợ. Hợp đồng này vô hiệu vì: Thời gian thuê đất của Tòa nhà CDC đến ngày 01/01/2043 nhưng thời hạn thuê mặt bằng đến ngày 07/03/2056.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty Hai Bà Trưng đã trả dần anh H số tiền theo hợp đồng thuê. Đến nay, Công ty Hai Bà Trưng đã trả hết số tiền 21.318.600.000 VNĐ cho anh H thể hiện ở các tài liệu chứng minh Công ty Hai Bà Trưng đã nộp cho Tòa án. Công ty Hai Bà Trưng nộp thêm tài liệu chứng minh đã trả nhiều hơn số tiền 21.318.600.000đ.

Công ty Hai Bà Trưng không chỉ vay anh H số tiền 21.318.600.000đ. Công ty Hai Bà Trưng không tách bạch ra số tiền trả từng hợp đồng, mà trả anh H làm nhiều lần để trừ vào tổng số tiền gốc vay. Vì vậy, mới có số tiền trả nợ anh H lớn hơn số tiền 21.318.600.000đ.

Ngày 08/3/2013, Công ty Hai Bà Trưng và anh Phan Quốc H có ký kết Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 có nội dung: Anh H cho Công ty Hai Bà Trưng vay số tiền 24.843.000.000đ; lãi suất nếu có do hai bên thoả thuận; thời hạn vay 03 tháng từ ngày 19/03/2013 đến 19/06/2013.

Đối với hai hợp đồng vay tiền ký kết năm 2013 cho đến trước khi anh H khởi kiện, Công ty xác nhận đã trả anh H số tiền gốc 16.018.272.000đ (trả cho hợp đồng vay 21.318.600.000đ); cộng với khoản tiền 25.000.000.000đ Công ty trả anh H vào ngày 18/12/2012. Công ty Hai Bà Trưng đã trả anh H số tiền gốc 41.019.272.000đ.

Ngày 21/6/2013, Công ty Hai Bà Trưng và anh H tiếp tục ký kết Hợp đồng thuê mặt bằng số 0613/HĐ có nội dung: Anh H cho Công ty Hai Bà Trưng thuê lại toàn bộ mặt bằng tầng 12, thuộc tòa nhà Trung tâm thương mại văn phòng CDC số 25- 27 phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; thời hạn thuê 01 năm tính từ ngày ký hợp đồng; giá thuê 30.000.000đ/tháng (thanh toán 03 tháng một lần vào ngày cuối cùng của tháng). Thực tế, Hợp đồng thuê mặt bằng số 0613/HĐ ngày 21/6/2013 để đảm bảo cho khoản tiền anh H cho Công ty Hai Bà Trưng vay, không bao giờ có việc bàn giao mặt bằng thuê theo các hợp đồng đã ký kết.

Tại Bản tự khai ngày 02/11/2020, Công ty Hai Bà Trưng đề nghị: 1/Xác định lại lãi suất đối với các khoản vay từ tháng 6/2012 đến nay, nếu lãi cao thì đối trừ vào khoản còn nợ; số tiền tạm tính để đối trừ là 2.625.750.000đ. 2/Tuyên bố 02 Hợp đồng thuê mặt bằng vô hiệu do giả tạo.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS - ST ngày 21 tháng 01 năm 2021, của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Quốc H, về việc yêu cầu Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng phải thanh toán trả số tiền vay tại Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013; Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013.

[1.1] Buộc Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng phải thanh toán trả anh Phan Quốc H số tiền gốc vay còn thiếu theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 (thể hiện trên Giấy nộp tiền ngày 14/3/2013, Giấy nộp tiền ngày 15/3/2013, Phiếu thu ngày 18/3/2013) là 5.300.154.000đ (năm tỷ, ba trăm triệu, một trăm năm mươi tư nghìn) đồng.

Buộc Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng phải thanh toán trả anh Phan Quốc H số tiền lãi chậm trả 715.520.790đ (bảy trăm mười lăm triệu, năm trăm hai mươi nghìn, bảy trăm chín mươi) đồng.

[1.2] Buộc Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng phải thanh toán trả anh Phan Quốc H số tiền gốc vay theo Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 là 24.843.000.000đ (hai mươi bốn tỷ, tám trăm bốn mươi ba triệu) đồng.

Buộc Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng phải thanh toán trả anh Phan Quốc H số tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 16.969.772.468đ (mười sáu tỷ, chín trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi tám) đồng.

Tổng số tiền Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Phan Quốc H theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013; Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 là 47.828.447.276đ (bốn mươi bảy tỷ, tám trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau phiên toà sơ thẩm,

Ngày 29/01/2021, Toà án sơ thẩm nhận Đơn kháng cáo đề ngày 28/01/2021 của Công ty Hai Bà Trưng; nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2021/DS- ST ngày 21/01/2021, của TAND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại giai đoạn phúc thẩm vào ngày 15/11/2021 và ngày 24/11/2021. Nguyên đơn xác định sau khi ký hợp đồng vay vào ngày 08/03/2021 thì Công ty Hai Bà Trưng đã trả được 16.018.446.000 VNĐ là trả cho cả hai khoản vay; điều đó chứng minh bằng chứng từ của Công ty Hai Bà Trưng đã nộp cho Toà án đều là trả nợ gốc; 03 giấy uỷ quyền nguyên đơn nộp thể hiện Công ty Hai Bà Trưng trả cho cả 02 khoản vay. Trước đây, do nhận thức của nguyên đơn thấy số tiền Công ty Hai Bà Trưng đã trả dù là trả cho cả hai khoản vay nhưng vì chưa đủ trả gốc cho một khoản vay nên khi Công ty Hai Bà Trưng xác định là trả cho một khoản vay thì nguyên đơn cũng không có phản đối vì số tiền đó trả gốc của một khoản cũng chưa đủ. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý việc Công ty Hai Bà Trưng yêu cầu xác định khoản vay theo Hợp đồng vay tiền có điều kiện là hết thời hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Hai Bà Trưng; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Công ty Hai Bà Trưng xin rút yêu cầu kháng cáo đối với phần lãi của Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013; yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013. Công ty Hai Bà Trưng xác nhận và vẫn giữ nguyên những lời trình bày tại giai đoạn phúc thẩm vào ngày 15/11/2021 và ngày 24/11/2021. Sau khi vay hai khoản vay trên vào ngày 08/03/2013 thì Công ty Hai Bà Trưng đã trả cho anh Phan Quốc H 16.018.446.000đ để trả cho khoản vay Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013. Quá trình trả tiền thường trả cho bà Trần Thanh Hương theo giấy uỷ quyền của anh H cho bà Hương, nhưng Công ty Hai Bà Trưng đều nhận thức là trả cho khoản vay của Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nếu Công ty Hai Bà Trưng có lời khai là số tiền trả gốc là trả cho hai khoản vay thì chúng tôi hiểu đó là khoản vay của Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 và khoản vay của số tiền 25.000.000.000đ hai bên cho nhau vay năm 2012.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu, không tính lãi đối với khoản vay của Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp tác của Công ty Hai Bà Trưng trình bày quan điểm tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Hai Bà Trưng.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Hai Bà Trưng; sửa Bản án sơ thẩm số 01/2021/DSST ngày 21/1/2021 của TAND quận Hai Bà Trưng về cách tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Quốc H với Công ty Hai Bà Trưng về việc thanh toán trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 và Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013.

2. Không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với khoản vay 24.843.000.000đ theo Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 của công ty Hai Bà Trưng. Xác định Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 giữa anh H và công ty Hai Bà Trưng còn thời hiệu khởi kiện.

3. Buộc công ty Hai Bà Trưng phải trả cho anh H số tiền gốc và lãi là: 47.828.447.276đ, trong đó nợ gốc là 30.143.154.000đ; nợ lãi từ ngày 30/6/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm 21/01/2021 là 17.685.293.276đ.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về phạm vi khởi kiện; quan hệ pháp luật thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung của nguyên đơn đề nghị: Buộc Công ty Hai Bà Trưng thanh toán cho anh H ngay một lần toàn bộ số tiền 46.407.718.580đ (trong đó nợ gốc là: 30.843.154.000đ; nợ lãi do chậm thanh toán: 15.564.564.580đ). Số tiền lãi do chậm thanh toán sẽ được tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc quan hệ pháp luật “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Công ty Hai Bà Trưng có trụ sở tại số 25-27 phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Do vậy, Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án và loại việc được qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về chứng cứ:

Tại Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/11/2020, Toà sơ thẩm đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự nộp và do Toà án thu thập. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do hai bên đương sự cung cấp và Toà án thu thập. Ngoài tài liệu chứng cứ xuất trình tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/11/2020 thì các đương sự xác nhận đã nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, không yêu cầu Toà án triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác.

Tại cấp sơ thẩm, các đương sự trong vụ án không phản đối về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Toà án sử dụng làm căn cứ giải quyết đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92; Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về kháng cáo:

Tại phiên toà sơ thẩm ngày 21/01/2021, có mặt đại diện Công ty Hai Bà Trưng. Ngày 29/01/2021, Công ty Hai Bà Trưng nộp đơn kháng cáo đến Toà án sơ thẩm và nộp biên tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định.

Do đó kháng cáo của Công ty Hai Bà Trưng đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử nhận thấy, nội dung vụ án như sau:

Anh Phan Quốc H và Công ty Hai Bà Trưng giao dịch hợp đồng vay tài sản từ năm 2012.

Ngày 18/12/2012, anh Phan Quốc H và Công ty Hai Bà Trưng ký Văn bản thỏa thuận thanh lý Hợp đồng vay tiền có điều kiện ngày 19/06/2012.

Trong ngày 08/03/2013, anh Phan Quốc H và Công ty Hai Bà Trưng ký các văn bản sau: 1/ Văn bản thỏa thuận thanh lý Hợp đồng thuê mặt bằng ngày 13/11/2012; 2/ Văn bản thỏa thuận thanh lý Hợp đồng thuê mặt bằng ngày 18/12/2012; 3/ Văn bản thỏa thuận thanh lý Hợp đồng vay tiền có điều kiện ngày 18/12/2012.

Ngoài ra, cùng ngày 08/03/2013, anh Phan Quốc H và Công ty Hai Bà Trưng ký các hợp đồng sau: 1/ Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ có nội dung: Anh Phan Quốc H cho Công ty Hai Bà Trưng vay số tiền là 21.318.600.000đ (hai mươi một tỷ, ba trăm mười tám triệu, sáu trăm nghìn) đồng; 2/ Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 có nội dung: Anh Phan Quốc H cho Công ty Hai Bà Trưng vay số tiền 24.843.000.000đ (hai mươi bốn tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu) đồng; 3/ Hợp đồng thuê mặt bằng số 08/HĐ-MT.

Ngày 21/6/2013, anh Phan Quốc H và Công ty Hai Bà Trưng ký Hợp đồng ủy quyền, theo đó, anh H ủy quyền cho Công ty Hai Bà Trưng quản lý và cho thuê toàn bộ diện tích theo Hợp đồng thuê tài sản số 08/HĐ-MT ngày 08/3/2013. Ngày 20/10/2013, anh Phan Quốc H và Công ty Hai Bà Trưng ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh. Các hợp đồng đều được ký với mục đích đảm bảo cho việc trả nợ của Công ty Hai Bà Trưng đối với khoản vay 24.843.000.000đ.

Anh Phan Quốc H đã giao và Công ty Hai Bà Trưng đã nhận đủ số tiền 21.318.600.000đ và 24.843.000.000đ thể hiện lời xác nhận của hai bên đương sự xác nhận và các chứng từ: Giấy nộp tiền ngày 14/3/2013, số tiền 3.000.000.000đ; Giấy nộp tiền ngày 15/3/2013, số tiền 2.800.000.000đ; Phiếu thu ngày 18/3/2013, số tiền 15.518.600.000đ; Phiếu thu ngày 18/03/2013 số tiền 24.843.000.000đ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Quốc H đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Hai Bà Trưng thanh toán cho anh H toàn bộ số tiền

46.407.718.580đ; trong đó nợ gốc là: 30.843.154.000đ; nợ lãi do chậm thanh toán: 15.564.564.580đ, số tiền lãi do chậm thanh toán sẽ được tính đến ngày xét xử sơ thẩm đối với Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013.

[3.1] *Xét về việc ký Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 và Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013:*

Hội đồng xét xử nhận thấy, cùng ngày 08/3/2013 giữa anh Phan Quốc H và Công ty Hai Bà Trưng có ký 02 (hai) hợp đồng gồm:

1/ Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 với nội dung: Anh Phan Quốc H giao cho Công ty Hai Bà Trưng số tiền là: 21.318.600.000đ (hai mươi một tỷ, ba trăm mười tám triệu, sáu trăm nghìn) đồng để thuê mặt bằng tầng 12 Tòa nhà tòa CDC 25-27 Lê Đại Hành. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đều xác nhận Công ty Hai Bà Trưng không bàn giao tài sản trên thực tế mà tài sản thuê vẫn do Công ty Hai Bà Trưng quản lý, sử dụng và cho thuê; Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ chỉ để đảm bảo khoản vay trong trường hợp Công ty Hai Bà Trưng không thực hiện việc trả tiền. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy Hợp đồng vay tiền được che dấu trong Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 nên giao dịch cho thuê mặt bằng không có hiệu lực theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005; thực chất đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Trong đó, Công ty Hai Bà Trưng vay của anh Phan Quốc H số tiền là: 21.318.600.000đ; thời hạn của hợp đồng theo Điều 15 của Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ khi Công ty Hai Bà Trưng trả đủ số tiền 21.318.600.000đ theo tiến độ 08 đợt, đợt cuối cùng là ngày 13/6/2013.

2/ Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 với nội dung: Anh Phan Quốc H cho Công ty Hai Bà Trưng vay số tiền 24.843.000.000đ (hai mươi bốn tỷ tám trăm bốn mươi ba triệu) đồng. Thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 19/3/2013 đến ngày 19/6/2013).

Hội đồng xét xử nhận thấy, các giao dịch vay tiền tại Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ và Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 được ký kết giữa anh Phan Quốc H và người đại diện theo pháp luật của Công ty Hai Bà Trưng là bà Vũ Thị Thùy Vân đảm bảo điều kiện chủ thể; không vi phạm điều cấm; hai bên tự nguyện giao kết nên giao dịch đầy đủ điều kiện có hiệu lực theo Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Anh Phan Quốc H và Công ty Hai Bà Trưng xác nhận, ngay sau ngày 08/03/2013; anh Phan Quốc H đã giao và Công ty Hai Bà Trưng đã nhận số tiền 21.318.600.000đ + 24.843.000.000đ = 46.161.600.000đ (bốn mươi sáu tỷ, một trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm nghìn) đồng.

[3.2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Hai Bà Trưng thanh toán cho anh Phan Quốc H số tiền nợ gốc là 30.843.154.000đ theo*

Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 và Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013:

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo thoả thuận tại Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 và Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 thì thời hạn cuối cùng để trả toàn bộ 02 khoản vay này là ngày 13/06/2013 và ngày 19/06/2003.

Tại cấp sơ thẩm, theo anh Phan Quốc H thì Công ty Hai Bà Trưng mới trả số tiền 15.318.446.000đ; tại phiên tòa sơ thẩm Công ty Hai Bà Trưng xác nhận đã trả anh Phan Quốc H số tiền nợ gốc là 16.018.446.000đ. Tại quá trình giải quyết cấp phúc thẩm, anh H xác nhận thêm khoản thanh toán ngày 16/04/2013 với số tiền 700.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền anh H xác nhận Công ty Hai Bà Trưng đã thanh toán là 16.018.446.000đ phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định về số tiền nợ gốc Công ty Hai Bà Trưng đã trả 16.018.446.000đ.

Như vậy, số tiền nợ gốc Công ty Hai Bà Trưng chưa trả anh Phan Quốc H là: $46.161.600.000đ - 16.018.446.000đ = 30.143.154.000đ$.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Công ty Hai Bà Trưng đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; cần buộc Công ty Hai Bà Trưng phải trả cho anh Phan Quốc H số nợ gốc là 30.143.154.000đ (ba mươi tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, một trăm năm mươi tư nghìn) đồng.

Bản án sơ thẩm buộc Công ty Hai Bà Trưng thanh toán cho anh Phan Quốc H số tiền nợ gốc cho hai khoản vay là $5.300.154.000đ + 24.843.000.000đ = 30.143.154.000đ$ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, cần giữ nguyên nội dung này của bản án sơ thẩm.

*[3.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Hai Bà Trưng thanh toán cho anh Phan Quốc H **số tiền nợ lãi** theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 và Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013:*

[3.3.1] Về thời hạn chậm trả:

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 thì Công ty Hai Bà Trưng phải trả đủ số tiền 21.318.600.000đ cho anh H theo tiến độ 08 lần; trong đó, lần cuối cùng (lần 8) là ngày 13/6/2013; theo Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 thì Công ty Hai Bà Trưng phải trả đủ số tiền 24.843.000.000 VNĐ làm 03 lần và lần thứ 3 là ngày 19/6/2013. Cần xác định thời điểm Công ty Hai Bà Trưng chậm trả cho cả hai khoản vay là ngày 19/06/2013.

Tuy nhiên, tại Bản tự khai của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu tính thời hạn chậm trả từ ngày 30/06/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tính lãi chậm trả cho cả 02 khoản vay kể từ ngày 30/06/2013.

[3.3.2] Về yêu cầu áp dụng thời hiệu của Công ty Hai Bà Trưng:

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Công ty Hai Bà Trưng có yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với khoản lãi vay trước thời điểm xét xử sơ thẩm.

Như nhận định ở trên, thời hạn xác định việc thời điểm Công ty Hai Bà Trưng chậm trả cho cả hai khoản vay là ngày 19/06/2013; thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là 02 năm theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005; 03 năm theo quy định Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại quá trình giải quyết sơ thẩm, hai bên đương sự xác nhận là từ khi vay đến nay chỉ thanh toán gốc cho khoản vay 21.318.600.000đ; chưa thanh toán tiền gốc cho khoản vay 24.843.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết phúc thẩm, đại diện nguyên đơn không thống nhất việc toàn bộ số tiền đã trả là Công ty Hai Bà Trưng chỉ trả cho khoản vay 21.318.600.000đ; nguyên đơn xác nhận số tiền trả gốc là trả cho hai khoản vay.

Hội đồng xét xử nhận thấy, không có căn cứ việc từ ngày 08/03/2013 đến ngày 29/07/2019 Công ty Hai Bà Trưng chỉ thanh toán gốc cho khoản vay 21.318.600.000đ vì những lý do sau:

Thứ nhất: Toàn bộ các chứng từ trả tiền do Công ty Hai Bà Trưng xuất trình đều có nội dung “Trả một phần gốc vay” mà không ghi rõ trả cho khoản vay nào.

Thứ hai: Tại các chứng từ thanh toán tiền gốc từ ngày 02/08/2018 đến ngày 29/07/2019 do Công ty Hai Bà Trưng cung cấp tại giai đoạn sơ thẩm đều có ghi chú “Trần Thanh Hường nhận theo Giấy uỷ quyền”. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, tại biên bản làm việc ngày 15/11/2020; Công ty Hai Bà Trưng xác nhận những chứng từ thanh toán tiền gốc từ ngày 02/08/2018 đến ngày 29/07/2019 đều trả cho bà Trần Thanh Hường theo Giấy uỷ quyền 05104.2018/HĐUQ ngày 12/07/2018 (BL622-627). Tại nội dung trang 1 của Giấy uỷ quyền này có nội dung ông Phan Quốc H uỷ quyền cho bà Trần Thanh Hường để giải quyết Hợp đồng thuê mặt bằng số 08/HĐ-MT ngày 08/03/2013 - hợp đồng che dấu khoản vay 24.843.000.000đ. Như vậy, các khoản trả từ ngày 02/08/2018 đến ngày 29/07/2019 đều trả cho khoản vay 24.843.000.000đ chứ không phải trả cho khoản vay 21.318.600.000đ.

Thứ ba: Tại Biên bản phiên họp công khai chứng cứ ngày 28/02/2020 (BL 99) và tại phần trình bày tại Biên bản phiên toà sơ thẩm (BL546); Công ty Hai Bà Trưng trình bày “Công ty Hai Bà Trưng không chỉ vay anh H số tiền 21.318.600.000đ. Tổng số tiền Công ty Hai Bà Trưng vay anh H còn nhiều hơn số này, **Công ty không tách bạch số tiền trả từng hợp đồng** mà trả cho anh H làm nhiều lần để trừ vào tổng số tiền gốc vay”. Tại biên bản phiên toà sơ thẩm (BL545) Công ty Hai Bà Trưng trình bày: “Đối với hai hợp đồng vay tiền đã ký kết năm 2013, chúng tôi xác nhận đã trả anh H số tiền gốc 16.018.272.000đ.”

Hội đồng xét xử nhận thấy, có căn cứ xác định số tiền Công ty Hai Bà Trưng trả sau ngày 08/03/2013 đến ngày 29/7/2019 là trả cho cả hai khoản vay.

Thuộc trường hợp bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện nên thuộc trường hợp bắt đầu lại thời hiệu vụ án dân sự theo quy định tại Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu của Công ty Hai Bà Trưng đối với khoản vay 24.843.000.000đ.

Ngoài ra, tại điểm 4.1 Điều 4 của Hợp đồng vay nợ có điều kiện số 01/13 ngày 08/03/2013 (khoản vay 24.843.000.000đ) có nội dung “Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào dẫn đến bên A - Công ty Hai Bà Trưng chậm thanh toán thì bên B - anh H có quyền thu toàn bộ nguồn thu thuộc quyền của bên A tại: Nhà hát ngoài trời Cung Xuân **cho đến khi bên B thu đủ khoản nợ và bên A chịu mức phạt vi phạm thời hạn trả nợ bằng 0,3% ngày** ...cho đến khi hai bên xác nhận bên A đã trả đủ khoản nợ và tiền phạt cho bên B”. Như vậy, hai bên thoả thuận thời hạn trả nợ là ngày 19/06/2013, nếu không trả được theo đúng hạn thì phải trả cho đến khi trả xong nợ cộng với phạt vi phạm.

Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu của Công ty Hai Bà Trưng đối với cả hai khoản vay.

[3.3.3] Về mức lãi suất:

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 và Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 đều không thỏa thuận lãi suất; giao dịch vay tiền được thực hiện năm 2013, theo quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, anh H có quyền yêu cầu Công ty Hai Bà Trưng phải trả đối với khoản nợ chậm trả theo suất cơ bản trên số tiền nợ gốc tương ứng với thời hạn chậm trả.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi suất, số tiền lãi được tính như sau: 1/ Đối với khoảng thời gian từ ngày 30/06/2013 đến trước ngày 01/01/2017, theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm (0,75%/tháng). 2/ Đối với khoảng thời gian từ tháng ngày 01/01/2017 đến ngày 21/01/2021, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 lãi suất chậm trả sẽ được xác định bằng 50% mức lãi suất cho vay giới hạn tại thời điểm trả nợ là 20%/năm, tương đương với mức lãi suất chậm trả là 10%/năm (0,83%/tháng).

Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm, đại diện nguyên đơn đề nghị tính mức lãi suất là 9%/năm (0,75%/tháng) cho toàn bộ quá trình chậm trả. Cần chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn với mức lãi suất tính chung cho cả 02 khoản vay từ ngày chậm trả 30/06/2003 đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 9%/năm (0,75%/tháng).

[3.3.4] Về những lần thanh toán nợ gốc của Công ty Hai Bà Trưng, về số

tiền lãi tại từng giai đoạn:

Tại biên bản làm việc ngày 15/11/2021, đại diện của anh H và Công ty Hai Bà Trưng đều xác nhận từ 16/04/2013 đến 29/07/2019, Công ty Hai Bà Trưng đã thanh toán cho anh H 87 lần thanh toán với số tiền 16.018.446.000 VNĐ. Hai bên thống nhất về thời gian, số tiền của từng đợt thanh toán. Như vậy, cần tính lãi suất theo giai đoạn tương ứng với 87 lần Công ty Hai Bà Trưng thanh toán nợ gốc với công thức: Số tiền gốc tại thời điểm đó * 0,75%/tháng * thời gian giữa hai lần trả nợ liền kề.

Như vậy, cụ thể số tiền lãi như sau:

- 1/ Từ ngày 30/06/2013 đến ngày 25/9/2013 là: 975.244.734đ;
- 2/ Từ ngày 25/9/2013 đến ngày 26/10/2013 là: 347.271.682đ;
- 3/ Từ ngày 26/10/2013 đến ngày 28/10/2013 là: 22.355.805đ;
- 4/ Từ ngày 28/10/2013 đến ngày 11/12/2013 là: 491.502.224đ;
- 5/ Từ ngày 11/12/2013 đến ngày 20/12/2013 là: 100.312.628đ;
- 6/ Từ ngày 20/12/2013 đến ngày 23/12/2013 là: 33.422.748đ;
- 7/ Từ ngày 23/12/2013 đến ngày 26/12/2013 là: 33.400.556đ;
- 8/ Từ ngày 26/12/2013 đến ngày 02/01/2014 là: 77.900.111đ;
- 9/ Từ ngày 02/01/2014 đến ngày 07/01/2014 là: 55.568.964đ;
- 10/ Từ ngày 07/01/2014 đến ngày 10/01/2014 là: 33.319.556đ;
- 11/ Từ ngày 10/01/2014 đến ngày 17/01/2014 là: 77.659.330đ;
- 12/ Từ ngày 17/01/2014 đến ngày 24/01/2014 là: 77.573.029đ;
- 13/ Từ ngày 24/01/2014 đến ngày 27/01/2014 là: 33.208.597đ;
- 14/ Từ ngày 27/01/2014 đến ngày 28/01/2014 là: 22.098.133đ;
- 15/ Từ ngày 28/01/2014 đến ngày 03/03/2014 là: 364.497.554đ;
- 16/ Từ ngày 03/03/2014 đến ngày 10/03/2014 là: 77.283.143đ;
- 17/ Từ ngày 10/03/2014 đến ngày 21/03/2014 là: 121.309.322đ;
- 18/ Từ ngày 21/03/2014 đến ngày 26/03/2014 là: 55.017.313đ;
- 19/ Từ ngày 26/03/2014 đến ngày 18/04/2014 là: 252.586.243đ;
- 20/ Từ ngày 18/04/2014 đến ngày 21/04/2014 là: 32.923.840đ;
- 21/ Từ ngày 21/04/2014 đến ngày 28/04/2014 là: 76.753.257đ;
- 22/ Từ ngày 28/04/2014 đến ngày 05/05/2014 là: 76.701.471đ;
- 23/ Từ ngày 05/05/2014 đến ngày 15/05/2014 là: 109.487.229đ;
- 24/ Từ ngày 15/05/2014 đến ngày 23/05/2014 là: 87.530.605đ;
- 25/ Từ ngày 23/05/2014 đến ngày 28/05/2014 là: 54.669.642đ;
- 26/ Từ ngày 23/05/2014 đến ngày 28/05/2014 là: 54.669.642đ;
- 27/ Từ ngày 28/05/2014 đến ngày 24/11/2014 là: 1.962.781.082đ;
- 28/ Từ ngày 24/11/2014 đến ngày 18/12/2014 là: 261.585.788đ;
- 29/ Từ ngày 18/12/2014 đến ngày 29/01/2015 là: 457.568.006đ;
- 30/ Từ ngày 29/01/2015 đến ngày 02/03/2015 là: 347.676.393đ;
- 31/ Từ ngày 02/03/2015 đến ngày 30/03/2015 là: 303.388.351đ;
- 32/ Từ ngày 30/03/2015 đến ngày 27/04/2015 là: 302.352.734đ;

33/ Từ ngày 27/04/2015 đến ngày 29/05/2015 là: 344.362.421đ;
34/ Từ ngày 29/05/2015 đến ngày 29/06/2015 là: 332.454.520đ;
35/ Từ ngày 29/06/2015 đến ngày 29/07/2015 là: 320.620.591đ;
36/ Từ ngày 27/07/2015 đến ngày 29/08/2015 là: 330.161.369đ;
37/ Từ ngày 29/08/2015 đến ngày 29/09/2015 là: 329.014.794đ;
38/ Từ ngày 29/09/2015 đến ngày 29/10/2015 là: 317.291.824đ;
39/ Từ ngày 29/10/2015 đến ngày 30/11/2015 là: 337.261.051đ;
40/ Từ ngày 30/11/2015 đến ngày 29/12/2015 là: 304.570.224đ;
41/ Từ ngày 29/12/2015 đến ngày 29/01/2016 là: 324.428.492đ;
42/ Từ ngày 29/01/2016 đến ngày 29/02/2016 là: 323.281.917đ;
43/ Từ ngày 29/02/2016 đến ngày 29/03/2016 là: 301.352.416đ;
44/ Từ ngày 29/03/2016 đến ngày 04/05/2016 là: 372.761.148đ;
45/ Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 30/05/2016 là: 268.254.741đ;
46/ Từ ngày 30/05/2016 đến ngày 29/06/2016 là: 308.415.112đ;
47/ Từ ngày 29/06/2016 đến ngày 29/07/2016 là: 307.305.523đ;
48/ Từ ngày 29/07/2016 đến ngày 29/08/2016 là: 316.402.465đ;
49/ Từ ngày 29/08/2016 đến ngày 29/09/2016 là: 315.255.889đ;
50/ Từ ngày 29/09/2016 đến ngày 29/10/2016 là: 303.976.756đ;
51/ Từ ngày 29/10/2016 đến ngày 29/11/2016 là: 312. 962.739đ;
52/ Từ ngày 29/11/2016 đến ngày 16/01/2017 là: 482.812.124đ;
53/ Từ ngày 16/01/2017 đến ngày 01/03/2017 là: 440.950.383đ;
54/ Từ ngày 01/03/2016 đến ngày 12/04/2017 là: 419.353.759đ;
55/ Từ ngày 12/04/2017 đến ngày 08/05/2017 là: 258.830.631đ;
56/ Từ ngày 08/05/2017 đến ngày 30/05/2017 là: 218.630.808đ;
57/ Từ ngày 30/05/2017 đến ngày 29/06/2017 là: 297.171.276đ;
58/ Từ ngày 29/06/2017 đến ngày 31/07/2017 là: 315.956.941đ;
59/ Từ ngày 31/07/2017 đến ngày 29/08/2017 là: 284.190.772đ;
60/ Từ ngày 29/08/2017 đến ngày 29/09/2017 là: 299.968.218đ;
61/ Từ ngày 29/09/2017 đến ngày 30/10/2017 là: 296.146.300đ;
62/ Từ ngày 30/10/2017 đến ngày 29/11/2017 là: 282.154.838đ;
63/ Từ ngày 29/11/2017 đến ngày 29/12/2017 là: 277.716.482đ;
64/ Từ ngày 29/12/2017 đến ngày 29/01/2018 là: 283.151.780đ;
65/ Từ ngày 29/01/2018 đến ngày 01/03/2018 là: 279.329.862đ;
66/ Từ ngày 01/03/2018 đến ngày 29/03/2018 là: 248.845.885đ;
67/ Từ ngày 29/03/2018 đến ngày 02/05/2018 là: 297.978.223đ;
68/ Từ ngày 02/05/2018 đến ngày 29/05/2018 là: 233.300.998đ;
69/ Từ ngày 29/05/2018 đến ngày 06/07/2018 là: 323.664.621đ;
70/ Từ ngày 06/07/2018 đến ngày 02/08/2018 là: 226.643.464đ;
71/ Từ ngày 02/08/2018 đến ngày 29/08/2018 là: 224.646.203đ;
72/ Từ ngày 29/08/2018 đến ngày 01/10/2018 là: 272.126.486đ;

- 73/ Từ ngày 01/10/2018 đến ngày 29/10/2018 là: 228.823.967đ;
74/ Từ ngày 29/10/2018 đến ngày 29/11/2018 là: 251.047.670đ;
75/ Từ ngày 29/11/2018 đến ngày 02/01/2019 là: 272.827.538đ;
76/ Từ ngày 02/01/2019 đến ngày 29/01/2019 là: 214.659.902đ;
77/ Từ ngày 29/01/2019 đến ngày 01/03/2019 là: 244.168.218đ;
78/ Từ ngày 01/03/2019 đến ngày 29/03/2019 là: 218.467.803đ;
79/ Từ ngày 29/03/2019 đến ngày 02/05/2019 là: 262.767.264đ;
80/ Từ ngày 02/05/2019 đến ngày 29/05/2019 là: 206.670.861đ;
81/ Từ ngày 29/05/2019 đến ngày 01/07/2019 là: 250.156.623đ;
82/ Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 29/07/2019 là: 210.182.871đ;
83/ Từ ngày 01/07/2019 đến ngày 29/07/2019 là: 210.182.871đ;
84/ Từ ngày 29/07/2019 đến ngày 21/01/2021 là: 4.035.879.277đ.

Như vậy, tổng số tiền lãi từ ngày 30/06/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 21/01/2021 là: 26.054.306.105 đ.

Bản án sơ thẩm chỉ xác định số tiền gốc đã trả là 16.018.446.000đ mà không làm rõ 87 lần thanh toán gốc của Công ty Hai Bà Trưng; không tính lãi theo tiến độ trả gốc mà tính lãi cho khoản vay 21.318.600.00đ từ ngày 29/07/2017 (là ngày trả lãi cuối cùng) đến thời điểm xét xử sơ thẩm là không chính xác; ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về cách tính lãi.

Tuy nhiên, anh H không kháng cáo bản án sơ thẩm nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về số tiền lãi của hai khoản vay là 17.685.293.258đ.

Như vậy, tổng số tiền Công ty Hai Bà Trưng phải có nghĩa vụ thanh toán trả **gốc và lãi** cho anh H theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013; Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 là 47.828.447.276đ.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của Công ty Hai Bà Trưng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Hai Bà Trưng đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty Hai Bà Trưng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án không tuyên đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty Hai Bà Trưng là thiếu sót; Hội đồng xét xử thấy thiếu sót của bản án sơ thẩm không nghiêm trọng, có thể sửa trong bản án phúc thẩm nên cần sửa quyết định của bản án sơ thẩm tại phần quyết định.

[5] Xét kháng cáo của Công ty Hai Bà Trưng:

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, Công ty Hai Bà Trưng rút một phần kháng cáo liên quan đến lãi của khoản vay 21.318.600.000đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, như nhận định ở trên; Công ty Hai Bà Trưng vay số tiền 46.161.600.000đ cùng ngày 08/03/2013. Quá trình trả nợ, anh H và Công ty Hai Bà Trưng đã nhập hai khoản vay làm một; không phân tách từng lần trả nợ cho khoản vay nào. Do vậy, hai bên không chứng minh được tại mỗi thời điểm

khoản gốc của mỗi khoản vay còn lại bao nhiêu; không có căn cứ để tách riêng từng khoản lãi của mỗi khoản vay tại mỗi thời điểm là bao nhiêu. Hội đồng xét xử nhận thấy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu rút một phần kháng cáo liên quan đến lãi của khoản vay 21.318.600.000đ.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty Hai Bà Trưng về yêu cầu áp dụng thời hiệu; giữ nguyên nội dung về nghĩa vụ của Công ty Hai Bà Trưng trả cho anh Phan Quốc H tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013; Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 với số tiền là 47.828.447.276đ; sửa phần quyết định của bản án như nhận định tại mục [4].

[6]. Về án phí:

[6.1]. Về án phí sơ thẩm:

Anh Phan Quốc H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do anh Phan Quốc H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên Công ty Hai Bà Trưng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải thanh toán 47.828.447.276đ. Cụ thể số tiền án phí Công ty Hai Bà Trưng phải chịu là: 112.000.000đ+ (43.828.447.276 đ * 0,1%) = 155.828.447đ (một trăm năm mươi lăm triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng.

[6.2]. Về án phí phúc thẩm:

Do bản án sơ thẩm bị sửa về cách tuyên nên Công ty Hai Bà Trưng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 122, Điều 129, Điều 427, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 117, Điều 124, Điều 157, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 147; Điều 148; Điều 271; Điều 272; Điều 273; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1.] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng; sửa bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2021, của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội bị kháng cáo, cụ thể như sau:

[1.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Quốc H về việc yêu cầu Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng phải thanh toán trả số tiền vay của Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013; Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013.

[1.2] Buộc Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng phải thanh toán trả anh Phan Quốc H số tiền nợ gốc của Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 và Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 với số tiền 30.143.154.000đ (ba mươi tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, một trăm năm mươi tư nghìn) đồng.

[1.3] Buộc Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng phải thanh toán trả anh Phan Quốc H số tiền nợ lãi của Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 và Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 với số tiền 17.685.293.258đ (mười bảy tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng).

[1.4] Buộc Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng phải thanh toán trả anh Phan Quốc H tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng thuê mặt bằng số 0313/HĐ ngày 08/3/2013 và Hợp đồng vay tiền có điều kiện số 01/13 ngày 08/3/2013 với số tiền 47.828.447.276đ (bốn mươi bảy tỷ, tám trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi sáu) đồng.

[1.5] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng.

[3] Về án phí:

[3.1] Anh Phan Quốc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Hoàn trả anh Phan Quốc H số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03742 ngày 19/11/2020 và số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02758 ngày 29/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

[3.2] Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 155.828.447đ (một trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng; được đối trừ số tiền Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng đã đóng tạm ứng án phí phản tố

40.000.000đ (bốn mươi triệu) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03742 ngày 29/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng; Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng còn phải nộp số tiền là 116.128.447đ (một trăm mười sáu triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm bốn mươi bảy) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS NDTP Hà Nội;
- TAND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng

